

SỞ Y TẾ HÀ NAM
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ: Đường Trường Chinh, P.Minh Khai, TP. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam
Điện thoại: 0226.3850525 Email: xetnghiemhanam@gmail.com

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 164/XN-KSBT)



1. Tên mẫu: **NƯỚC THÀNH PHẨM**
2. Mã số mẫu: 21.03.25 - 164/QL - NTP
3. Mô tả mẫu: Mẫu được lấy và đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
5. Ngày lấy mẫu: 25/03/2021
6. Ngày nhận mẫu: 25/03/2021
7. Thời gian kiểm nghiệm: Từ 25/03/2021 đến 02/04/2021.
8. Nơi lấy mẫu: Nhà máy số 1 – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam
Địa chỉ: Quang Trung, Phủ Lý, Hà Nam.
9. Tài liệu kèm theo: Không
10. Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	10,5	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH ^(*)	TCVN 6492:2011		7,3	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	0,8	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/l	150	300
6	Hàm lượng Clorua ^(*)	TCVN 6194:1996	mg/l	69,49	250
7	Hàm lượng Sắt tổng số ^(*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,048	0,3
8	Hàm lượng Mangan ^(*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,025	0,3
9	Hàm lượng Nitrit ^(*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	0,15	3
10	Hàm lượng Nitrat ^(*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	1,1	50
11	Hàm lượng Asen ^(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (< 0,002)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/l	1,44	2
13	Hàm lượng Amoni ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	1,9	3
14	Clo dư ^(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,39	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	30,5	250
16	Coliforms ^(*)	TCVN	MPN/	KPH (<3MPN/100ml)	0
17	E. coli ^(*)	6187-2:1996	100ml	KPH (<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu ^(*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM” trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm theo QCVN 01:2009/BYT.

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

Hà Nam, ngày 02 tháng 04 năm 2021

KIỂM NGHIỆM VIÊN



**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ks Nguyễn Minh Thái

Nguyễn Trung Thành

Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

SỞ Y TẾ HÀ NAM
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ: Đường Trường Chinh, P.Minh Khai, TP. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam
Điện thoại: 0226.3850525 Email: xetnghiemhanam@gmail.com

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 165/XN-KSBT)

1. Tên mẫu: **NƯỚC THÀNH PHẨM 1**

2. Mã số mẫu: 21.03.25 - 165/QL - NTP

3. Mô tả mẫu: Mẫu được lấy và đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.

4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.

5. Ngày lấy mẫu: 25/03/2021

6. Ngày nhận mẫu: 25/03/2021

7. Thời gian kiểm nghiệm: Từ 25/03/2021 đến 02/04/2021.

8. Nơi lấy mẫu: Lấy tại gia đình Ngõ Xuân Mươi (Mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy số 1 – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam)

Địa chỉ: Tổ dân phố Đình Tràng, phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

9. Tài liệu kèm theo: Không

10. Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	10,7	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH ^(*)	TCVN 6492:2011		7,3	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	0,8	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/l	156	300
6	Hàm lượng Clorua ^(*)	TCVN 6194:1996	mg/l	69,49	250
7	Hàm lượng Sắt tổng số ^(*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,056	0,3
8	Hàm lượng Mangan ^(*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,027	0,3
9	Hàm lượng Nitrit ^(*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	0,13	3
10	Hàm lượng Nitrat ^(*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	1,1	50
11	Hàm lượng Asen ^(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (<0,002)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/l	1,52	2
13	Hàm lượng Amoni ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	2,2	3
14	Clo dư ^(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,33	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	30,5	250
16	Coliforms ^(*)	TCVN	MPN/	KPH (<3MPN/100ml)	0
17	E. coli ^(*)	6187-2:1996	100ml	KPH (<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu ^(*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM 1” trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm theo QCVN 01:2009/BYT.

Hà Nam, ngày 02 tháng 04 năm 2021

KIỂM NGHIỆM VIÊN

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ



KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Thành

Trần Tất Luận

- * Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 166/XN-KSBT)



- Tên mẫu: **NƯỚC THÀNH PHẨM 2**
- Mã số mẫu: 21.03.25 - 166/QL - NTP
- Mô tả mẫu: Mẫu được lấy và đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
- Ngày lấy mẫu: 25/03/2021
- Ngày nhận mẫu: 25/03/2021
- Thời gian kiểm nghiệm: Từ 25/03/2021 đến 02/04/2021.
- Nơi lấy mẫu: Lấy tại số nhà 46, ngõ 35 (Mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy số 1 – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam)
Địa chỉ: Đường Biên Hòa, phường Lương Khánh Thiện, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.
- Tài liệu kèm theo: Không
- Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	10,7	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH ^(*)	TCVN 6492:2011		7,3	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	0,8	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/l	150	300
6	Hàm lượng Clorua ^(*)	TCVN 6194:1996	mg/l	69,49	250
7	Hàm lượng Sắt tổng số ^(*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,049	0,3
8	Hàm lượng Mangan ^(*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,027	0,3
9	Hàm lượng Nitrit ^(*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	0,13	3
10	Hàm lượng Nitrat ^(*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	1,1	50
11	Hàm lượng Asen ^(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (< 0,002)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/l	1,44	2
13	Hàm lượng Amoni ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	2,2	3
14	Clo dư ^(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,34	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	30,5	250
16	Coliforms ^(*)	TCVN	MPN/100ml	KPH (<3MPN/100ml)	0
17	E. coli ^(*)	6187-2:1996		KPH (<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM 2” trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm theo QCVN 01:2009/BYT.

Hà Nam, ngày 02 tháng 04 năm 2021

KIỂM NGHIỆM VIÊN

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
KS Nguyễn Minh Thái

Nguyễn Trung Thành

Trần Tất Luận

- * Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

SỞ Y TẾ HÀ NAM
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ: Đường Trường Chinh, P.Minh Khai, TP. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam
Điện thoại: 0226.3850525 Email: xetnghiemhanam@gmail.com

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 167/XN-KSBT)



1. Tên mẫu: **NƯỚC THÀNH PHẨM**
2. Mã số mẫu: 21.03.25 - 167/QL - NTP
3. Mô tả mẫu: Mẫu được lấy và đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
5. Ngày lấy mẫu: 25/03/2021
6. Ngày nhận mẫu: 25/03/2021
7. Thời gian kiểm nghiệm: Từ 25/03/2021 đến 02/04/2021.
8. Nơi lấy mẫu: Nhà máy số 2 – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam
Địa chỉ: Thanh Sơn, Kim Bảng, Hà Nam.
9. Tài liệu kèm theo: Không
10. Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	11,2	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH ^(*)	TCVN 6492:2011		7,4	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	0,9	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/l	144	300
6	Hàm lượng Clorua ^(*)	TCVN 6194:1996	mg/l	55,31	250
7	Hàm lượng Sắt tổng số ^(*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,045	0,3
8	Hàm lượng Mangan ^(*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,021	0,3
9	Hàm lượng Nitrit ^(*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	0,25	3
10	Hàm lượng Nitrat ^(*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	0,6	50
11	Hàm lượng Asen ^(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (< 0,002)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/l	1,6	2
13	Hàm lượng Amoni ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	1,7	3
14	Clo dư ^(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,36	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	33,9	250
16	Coliforms ^(*)	TCVN	MPN/	KPH (<3MPN/100ml)	0
17	E. coli ^(*)	6187-2:1996	100ml	KPH (<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

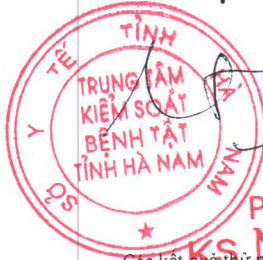
Các chỉ tiêu đánh dấu ^(*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM” trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm theo QCVN 01:2009/BYT.

Hà Nam, ngày 02 tháng 04 năm 2021

KIỂM NGHIỆM VIÊN

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Ks. Nguyễn Minh Thái

Nguyễn Trung Thành

Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

SỞ Y TẾ HÀ NAM
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ: Đường Trường Chinh, P.Minh Khai, TP. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam
Điện thoại: 0226.3850525 Email: xetnghiemhanam@gmail.com

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 168/XN-KSBT)



- Tên mẫu: NƯỚC THÀNH PHẨM 1
- Mã số mẫu: 21.03.25 - 168/QL - NTP
- Mô tả mẫu: Mẫu được lấy và đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
- Ngày lấy mẫu: 25/03/2021
- Ngày nhận mẫu: 25/03/2021
- Thời gian kiểm nghiệm: Từ 25/03/2021 đến 02/04/2021.
- Nơi lấy mẫu: Lấy tại số nhà 50 (Mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy số 2 – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam)
- Địa chỉ: Đường Quang Trung, thị trấn Quế, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.
- Tài liệu kèm theo: Không
- Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	11,7	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH ^(*)	TCVN 6492:2011		7,4	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	0,9	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/l	144	300
6	Hàm lượng Clorua ^(*)	TCVN 6194:1996	mg/l	55,31	250
7	Hàm lượng Sắt tổng số ^(*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,045	0,3
8	Hàm lượng Mangan ^(*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,026	0,3
9	Hàm lượng Nitrit ^(*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	0,25	3
10	Hàm lượng Nitrat ^(*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	0,7	50
11	Hàm lượng Asen ^(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (< 0,002)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/l	1,6	2
13	Hàm lượng Amoni ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	1,8	3
14	Clo dư ^(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,33	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	33,9	250
16	Coliforms ^(*)	TCVN	MPN/100ml	KPH (<3MPN/100ml)	0
17	E. coli ^(*)	6187-2:1996	100ml	KPH (<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu ^(*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM 1” trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm theo QCVN 01:2009/BYT.

Hà Nam, ngày 02 tháng 04 năm 2021

KIỂM NGHIỆM VIÊN



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

KS. Nguyễn Minh Thái

Nguyễn Trung Thành

Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

SỞ Y TẾ HÀ NAM
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ: Đường Trường Chinh, P.Minh Khai, TP. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam
Điện thoại: 0226.3850525 Email: xetnghiemhanam@gmail.com

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 169/XN-KSBT)



- Tên mẫu: **NƯỚC THÀNH PHẨM 2**
- Mã số mẫu: 21.03.25 - 169/QL - NTP
- Mô tả mẫu: Mẫu được lấy và đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
- Ngày lấy mẫu: 25/03/2021
- Ngày nhận mẫu: 25/03/2021
- Thời gian kiểm nghiệm: Từ 25/03/2021 đến 02/04/2021.
- Nơi lấy mẫu: Lấy tại gia đình Lê Văn Thắng (Mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy số 2 – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam)
Địa chỉ: Thụy Sơn 2, Tân Sơn, Kim Bảng, Hà Nam.
- Tài liệu kèm theo: Không
- Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	12,0	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH ^(*)	TCVN 6492:2011		7,4	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	1,0	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/l	148	300
6	Hàm lượng Clorua ^(*)	TCVN 6194:1996	mg/l	55,31	250
7	Hàm lượng Sắt tổng số ^(*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,052	0,3
8	Hàm lượng Mangan ^(*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,028	0,3
9	Hàm lượng Nitrit ^(*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	0,21	3
10	Hàm lượng Nitrat ^(*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	0,8	50
11	Hàm lượng Asen ^(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (< 0,002)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/l	1,84	2
13	Hàm lượng Amoni ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	1,9	3
14	Clo dư ^(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,32	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	34,5	250
16	Coliforms ^(*)	TCVN	MPN/	KPH (<3MPN/100ml)	0
17	E. coli ^(*)	6187-2:1996	100ml	KPH (<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu ^(*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM 2” trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm theo QCVN 01:2009/BYT.

Hà Nam, ngày 02 tháng 04 năm 2021

KIỂM NGHIỆM VIÊN



LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ks Nguyễn Minh Thái

Nguyễn Trung Thành

Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 170/XN-KSBT)



1. Tên mẫu: **NƯỚC THÀNH PHẨM**
2. Mã số mẫu: 21.03.25 - 170/QL - NTP
3. Mô tả mẫu: Mẫu được lấy và đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
5. Ngày lấy mẫu: 25/03/2021
6. Ngày nhận mẫu: 25/03/2021
7. Thời gian kiểm nghiệm: Từ 25/03/2021 đến 02/04/2021.
8. Nơi lấy mẫu: Nhà máy nước sạch Sông Hồng – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam
Địa chỉ: Mộc Nam, Duy Tiên, Hà Nam.
9. Tài liệu kèm theo: Không
10. Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	9,4	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH ^(*)	TCVN 6492:2011		7,8	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	0,7	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/l	160	300
6	Hàm lượng Clorua ^(*)	TCVN 6194:1996	mg/l	19,85	250
7	Hàm lượng Sắt tổng số ^(*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,016	0,3
8	Hàm lượng Mangan ^(*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,013	0,3
9	Hàm lượng Nitrit ^(*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	KPH (< 0,042)	3
10	Hàm lượng Nitrat ^(*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	1,5	50
11	Hàm lượng Asen ^(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (< 0,002)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/l	1,12	2
13	Hàm lượng Amoni ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,106	3
14	Clo dư ^(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,42	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	26,5	250
16	Coliforms ^(*)	TCVN	MPN/	KPH (<3MPN/100ml)	0
17	E. coli ^(*)	6187-2:1996	100ml	KPH (<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

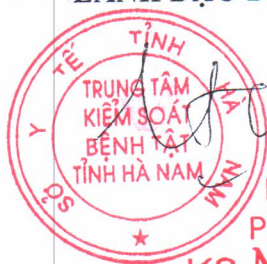
Các chỉ tiêu đánh dấu ^(*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM” trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm theo QCVN 01:2009/BYT.

Hà Nam, ngày 02 tháng 04 năm 2021

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

KIỂM NGHIỆM VIÊN



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
KS Nguyễn Minh Thái

Nguyễn Trung Thành

Trần Tất Luận

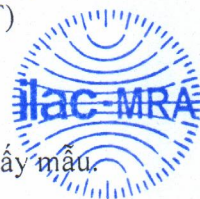
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

SỞ Y TẾ HÀ NAM
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ: Đường Trường Chinh, P.Minh Khai, TP. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam
Điện thoại: 0226.3850525 Email: xetnghiemhanam@gmail.com

PHIẾU KIỂM NGHIỆM

(Số: 171/XN-KSBT)



- Tên mẫu: **NƯỚC THÀNH PHẨM 1**
- Mã số mẫu: 21.03.25 - 171/QL - NTP
- Mô tả mẫu: Mẫu được lấy và đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
- Ngày lấy mẫu: 25/03/2021
- Ngày nhận mẫu: 25/03/2021
- Thời gian kiểm nghiệm: Từ 25/03/2021 đến 02/04/2021.
- Nơi lấy mẫu: Lấy tại gia đình Đỗ Đình Đại (Mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy nước sạch Sông Hồng – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam)
Địa chỉ: Tổ dân phố Đông Ngoại, phường Châu Giang, thị xã Duy Tiên, Hà Nam.
- Tài liệu kèm theo: Không
- Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	9,8	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH ^(*)	TCVN 6492:2011		7,8	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	0,8	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/l	166	300
6	Hàm lượng Clorua ^(*)	TCVN 6194:1996	mg/l	19,85	250
7	Hàm lượng Sắt tổng số ^(*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,024	0,3
8	Hàm lượng Mangan ^(*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,015	0,3
9	Hàm lượng Nitrit ^(*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	KPH (< 0,042)	3
10	Hàm lượng Nitrat ^(*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	1,6	50
11	Hàm lượng Asen ^(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (< 0,002)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/l	1,28	2
13	Hàm lượng Amoni ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,114	3
14	Clo dư ^(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,34	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	27,3	250
16	Coliforms ^(*)	TCVN	MPN/	KPH (<3MPN/100ml)	0
17	E. coli ^(*)	6187-2:1996	100ml	KPH (<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu ^(*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM 1” trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm theo QCVN 01:2009/BYT.

Hà Nam, ngày 02 tháng 04 năm 2021

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

KIỂM NGHIỆM VIÊN



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
KS. Nguyễn Minh Thái

Nguyễn Trung Thành

Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

SỞ Y TẾ HÀ NAM
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ: Đường Trường Chinh, P.Minh Khai, TP. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam
Điện thoại: 0226.3850525 Email: xetnghiemhanam@gmail.com

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 172/XN-KSBT)

- Tên mẫu: **NƯỚC THÀNH PHẨM 2**
- Mã số mẫu: 21.03.25 - 172/QL - NTP
- Mô tả mẫu: Mẫu được lấy và đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
- Ngày lấy mẫu: 25/03/2021
- Ngày nhận mẫu: 25/03/2021
- Thời gian kiểm nghiệm: Từ 25/03/2021 đến 02/04/2021.
- Nơi lấy mẫu: Lấy tại Công ty TNHH Lan Quán Vắng (Mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy nước sạch Sông Hồng – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam)
Địa chỉ: Quốc lộ 38, phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên, Hà Nam.
- Tài liệu kèm theo: Không
- Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	9,5	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH ^(*)	TCVN 6492:2011		7,8	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	0,7	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/l	162	300
6	Hàm lượng Clorua ^(*)	TCVN 6194:1996	mg/l	19,85	250
7	Hàm lượng Sắt tổng số ^(*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,019	0,3
8	Hàm lượng Mangan ^(*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,013	0,3
9	Hàm lượng Nitrit ^(*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	KPH (< 0,042)	3
10	Hàm lượng Nitrat ^(*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	1,6	50
11	Hàm lượng Asen ^(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (< 0,002)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/l	1,20	2
13	Hàm lượng Amoni ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,106	3
14	Clo dư ^(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,37	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	26,8	250
16	Coliforms ^(*)	TCVN 6187-2:1996	MPN/100ml	KPH (<3MPN/100ml)	0
17	E. coli ^(*)		100ml	KPH (<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu ^(*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM 2” trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm theo QCVN 01:2009/BYT.

Hà Nam, ngày 02 tháng 04 năm 2021

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

KIỂM NGHIỆM VIÊN



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
KS Nguyễn Minh Thái

Nguyễn Trung Thành

Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định